TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 502/2025/DS-PT
Ngày 29-9-2025.
V/v *"Tranh chấp QSD đất; yêu cầu hủy GCNQSD đất; tranh chấp liên quan đến tài sản cưỡng chế thi hành án; yêu cầu bồi thường thiệt hại"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn.

Ông Dương Anh Văn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Cẩm Linh – Thẩm tra viên Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vi D – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 358/2025/TLPT-DS ngày 14/3/2025 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tranh chấp liên quan đến tài sản cưỡng chế thi hành án; yêu cầu bồi thường thiệt hại.*"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 22-4-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 370/2025/QĐXXPT-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn số 101/2025/QĐ-PT ngày 20/8/2025 và Thông báo hoãn số 102/2025/TB-TA ngày 08/9/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn C, sinh năm 1968 và bà Phạm Thị M, sinh năm 1978; địa chỉ: thôn D, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã B, tỉnh Lâm Đồng); vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị N; địa chỉ: E N, tổ I, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã B, tỉnh Lâm Đồng) theo Văn bản ủy quyền ngày 02/7/2021; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Ngô Quang H, sinh năm 1956; địa chỉ: thôn D, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã B, tỉnh Lâm Đồng); có mặt (vắng mặt khi tuyên án).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Quang H1, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ I, Ấp E, T, V, Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng (không còn hoạt động)

Kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ: thôn H, xã B, tỉnh Lâm Đồng;

Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Việt T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Lâm Đồng; xin vắng mặt.

2. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, tỉnh Lâm Đồng); địa chỉ: B H, Phường B B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trương Hoài N1, chức vụ: Trưởng phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, tỉnh Lâm Đồng; xin vắng mặt.

3. Hợp tác xã N3; trụ sở: C T, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (nay là phường B, tỉnh Lâm Đồng); vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Ngô Quang H, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Văn C, bà Phạm Thị M trình bày:

Diện tích đất 4.813,1m^2, thửa đất số 123, tờ bản đồ số 88, xã L, huyện B (thửa đất mới) có nguồn gốc do Ông Bà khai phá vào năm 1996 với diện tích khoảng 0,5ha. Năm 1997, Ông Bà trồng cà phê, sau đó trồng cây chè, chanh dây; năm 2020 chuyển đổi sang trồng bơ và sầu riêng. Ông Bà quản lý, sử dụng đất ổn định từ năm 1996 đến nay, không đăng ký kê khai, nhưng có nộp thuế cho Nhà nước và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất. Ngày 05/8/2019 và ngày 21/6/2021, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm tiến hành kê biên toàn bộ diện tích đất 12.440m^2, thuộc thửa số 69, tờ bản đồ số 92, trong đó có thửa đất 123. Sau khi kê biên, Ông B mới biết thửa đất 123 thuộc một phần thửa đất 69.

Nay ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy một phần GCNQSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ427221 do UBND huyện B cấp ngày 27/4/2011 cho ông Ngô Quang H đối với diện tích 4.813,1m^2 đất (theo kết quả đo đạc là 5.835,4m^2) thuộc một phần thửa số 69, tờ bản đồ số 92 (nay là thửa đất số 123, tờ bản đồ số 88), xã L; hủy một phần Quyết định kê biên số 18/QĐ-THA ngày 18/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm đối với thửa đất 123; công nhận thửa đất 123 là của Ông Bà.

Bị đơn ông Ngô Quang H trình bày:

Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông có yêu cầu phản tố

buộc ông C, bà M phải trả lại diện tích đất 4.813,1m^2 (đo đạc thực tế là 5.835,4m^2), thuộc một phần thửa đất số 69, tờ bản đồ số 92, xã L, huyện B mà ông C, bà M đã lấn chiếm của ông vì diện tích đất này ông đã được UBND huyện B cấp GCNQSD đất số BĐ427221 ngày 27/4/2011.

Do ông C, bà M làm thay đổi hiện trạng đất, đào hồ nước năm 2019 – 2020, trồng sầu riêng, bơ năm 2020 nên Ông yêu cầu ông C, bà M phải di dời cây, lấp lại hồ để trả lại hiện trạng đất ban đầu cho ông; bồi thường thiệt hại các khoản: chiếm dụng đất sử dụng với số tiền 75.000.000 đồng (cách tính: 5.800m^2 x 3.000.000 đồng/1.000m^2/năm x 5 năm, tính từ thời điểm Ông được cấp GCNQSD đất), danh dự 200.000.000 đồng, chi phí đi lại 50.000.000 đồng.

Nguồn gốc diện tích đất 12.440m^2 thuộc thửa số 69 tờ bản đồ số 92, xã L, huyện B do Ông nhận chuyển nhượng của Hợp tác xã nông nghiệp (gọi tắt là HTX) T vào khoảng năm 2008, hai bên có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, có đo đạc và giao nhận đất trên thực tế; biên bản đo đạc và giao nhận đất hiện nay Ông đang giữ. Việc chuyển nhượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể: HTX N3; Ủy ban nhân dân (UBND) xã L; UBND phường L; UBND huyện B; UBND thành phố B; Liên minh HTX tỉnh L; UBND tỉnh L. Sau đó, Ông được UBND huyện B cấp GCNQSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ427221 vào ngày 27/4/2011 đối với thửa đất số 69.

Năm 2019, ông C, bà M đến lấn chiếm diện tích đất 4.813,1m^2 (đo đạc là 5.835,4m^2), thuộc một phần thửa đất số 69 để đào ao, trồng bơ, sầu riêng và các loại cây khác. Ông đã trình báo miệng với UBND xã L và được trả lời miệng các bên tự giải quyết với nhau vì ông đã có GCNQSD đất. Sau đó, nhiều lần Ông đã ngăn cản việc lấn chiếm đất của ông C, bà M dẫn đến xô xát nhau và Ông có báo miệng với Công an xã L nhưng không được giải quyết.

Thửa đất số 69 được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm tiến hành kê biên, Ông không thắc mắc, khiếu nại gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan HTX N3 do ông Nguyễn Hữu Đ đại diện trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 69 được HTX T3 vườn cây cho thành viên là ông Ngô Quang H. Thửa đất được xác định nằm trong danh sách tổng diện tích đất 245,303ha được UBND tỉnh L quyết định thu hồi của HTX N3 giao UBND huyện B quản lý, xem xét cấp GCNQSD đất tại Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 06/5/2008 (gọi tắt là Quyết định 1131). Trước thời điểm thực hiện Quyết định 1131, thửa đất số 69 được HTX N3 khai hoang trồng cây thông từ năm 1994, là một trong các thửa đất rừng trồng sản xuất được HTX N3 tổ chức quản lý sản xuất tập trung, giao khoán việc theo thời vụ cho các hộ lao động thực hiện theo hình thức khoán công và nhận thù lao bằng tiền. Thửa đất được UBND tỉnh L cấp GCNQSD đất trong tổng số 101,7ha có mục đích sử dụng là rừng trồng sản xuất, số GCNQSD đất T418751 cấp ngày 01/9/2003. Ngày 17/6/2020, HTX N3 có xác nhận đơn kiến nghị của ông Lê Văn C với nội dung ông C đã canh tác diện tích đất

0,5ha từ năm 1996 đến nay, vị trí thửa đất thuộc một phần thửa đất số 69.

Nay các bên tranh chấp, HTX N3 có ý kiến như sau, thửa đất số 69 có mục đích sử dụng là rừng trồng sản xuất được HTX N3 bố trí trồng cây rừng từ năm 1994 nhưng khi thực hiện có một phần diện tích đất do địa hình trũng thấp, không trồng cây, HTX N3 đã bỏ hoang từ năm 1994. Ông C vì muốn có đất sản xuất, năm 1996 đã khai hoang và trồng cây công nghiệp trên phần đất hoang hóa có diện tích 4813,1m^2 thuộc một phần thửa đất số 69 và sản xuất ổn định từ năm 1996 đến nay. Để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của người sử dụng đất đề nghị Tòa án hủy một phần diện tích đất 4813,1m^2 UBND huyện B đã cấp cho ông Ngô Quang H vào ngày 27/4/2011; giao trả lại cho ông C quản lý, sử dụng diện tích đất nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện B do ông Nguyễn Trung T1 đại diện trình bày:

Việc UBND huyện B cấp GCNQSD đất số BĐ427221 ngày 27/4/2011 cho ông Ngô Quang H đối với diện tích đất 12.440m^2, thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 92 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Diện tích đất 4813,1m^2 (đo đạc là 5835,4m^2) thuộc thửa đất số 123, tờ bản đồ số 88, diện tích đất này có nằm trong thuộc thửa đất số 69. Nay các bên tranh chấp, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm (gọi tắt là Thi hành án)) do ông Nguyễn Văn T2 đại diện trình bày:

Thi hành án đang tổ chức thi hành các bản án số 30/2017/DSST ngày 16/8/2017, số 48/2017/DSST ngày 25/9/2017, số 47/2017/DSST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm và Quyết định số 03/20218/QĐPT ngày 08/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Người phải thi hành án là ông Ngô Quang H. Ông H có nghĩa vụ thi hành khoản tiền nợ là 4.825.359.000 đồng và nộp án phí dân sự sơ thẩm là 153.938.680 đồng.

Theo xác minh, ông H đứng tên chủ sử dụng 14 thửa đất tại thôn D, xã L, huyện B. Cụ thể gồm các thửa đất số 45, 55, 80, 81, 82, 83 tờ bản đồ số 90; thửa đất số 32 tờ bản đồ số 91; thửa đất số 47, 91, 96, 49, 42, 48, 69 tờ bản đồ số 92 cùng tọa lạc tại xã L, huyện B. Tất cả 14 thửa đất này đều đã được UBND huyện B cấp GCNQSD đất đứng tên ông Ngô Quang H.

Quá trình tổ chức thi hành án, Chấp hành viên đã ra Quyết định kê biên số 18/QĐ-THA ngày 18/7/2019 với nội dung kê biên tài sản của ông H gồm thửa đất số 55, 80, 81, 82, 83, tờ bản đồ số 90; thửa đất số 91, 69, tờ bản đồ số 92 cùng tọa lạc tại xã L, huyện B.

Trước khi tổ chức cưỡng chế, Chấp hành viên đã tiến hành xác minh thực địa các thửa đất trên của ông H. Qua kiểm tra thực tế hiện trạng sử dụng thửa đất số 69 tờ bản đồ số 92 có diện tích theo GCNQSD đất là 12.440m^2 hiện do ông C, bà N2 mỗi người quản lý, sử dụng một phần diện tích đất khoảng 4 sào đất.

Do tài sản bị cưỡng chế có tranh chấp về quyền sử dụng nên Chấp hành viên đã giải thích cho ông C, bà N2 quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết

tranh chấp và chưa tiến hành kê biên, xử lý thửa đất.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2025/DS-ST ngày 22-4-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định (tóm tắt):

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn C, bà Phạm Thị M đối với bị đơn ông Ngô Quang H.

Công nhận diện tích đất 5.118,7m^2 (thửa số 123, tờ bản đồ số 88), thuộc một phần thửa số 69, tờ bản đồ số 92, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng và tài sản trên đất thuộc quyền sử dụng của ông Lê Văn C, bà Phạm Thị M.

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ427221 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 27/4/2011 đứng tên ông Ngô Quang H đối với diện tích đất 5.118,7m^2 (thửa số 123, tờ bản đồ số 88), thuộc một phần thửa số 69, tờ bản đồ số 92, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Hủy một phần Quyết định số 18/QĐ-CCTHADS ngày 18/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với diện tích đất 5.118,7m^2 thuộc một phần thửa đất số 69 tờ bản đồ số 92 (nay là thửa đất số 123, tờ bản đồ số 88), xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Ngô Quang H đối với ông Lê Văn C, bà Phạm Thị M.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về việc thi hành án, án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo.

Ngày 26/4/2024 và ngày 02/5/2024, bị đơn ông Ngô Quang H kháng cáo Bản án sơ thẩm, đề nghị hủy hoặc sửa Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối với Bị đơn là có căn cứ pháp luật. Bị đơn kháng cáo, nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Ngô Quang H làm trong hạn luật định, đủ điều kiện để thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Bị đơn, thấy rằng, thửa đất số 69 do HTX T3 vườn cây cho ông H và được UBND huyện B cấp GCNQSD đất số BĐ 427221 ngày 27/4/2011 cho ông H, trong đó có phần diện tích đất đang tranh chấp. Nguyên đơn cho rằng, đất tranh chấp, được xác định là thửa số 123, tờ bản đồ số 88, xã L, huyện B (nay là xã B), tỉnh Lâm Đồng) được HTX N3 giao cho Nguyên đơn canh tác từ năm 1996 đến nay, khi HTX N3 chuyển nhượng thửa đất số 69 cho Bị đơn thì có cả thửa đất số 123. Còn theo Bị đơn, thì toàn bộ thửa 69, diện tích 12.440m^2 có nguồn gốc do Bị đơn nhận chuyển nhượng của HTX N3, đã được cấp GCNQSD đất và hiện đang bị cơ quan thi hành án kê biên.

[3] Ý kiến của HTX N3 tại Công văn số 07/CV-HTX ngày 16/8/2022 thể hiện, toàn bộ thửa đất số 69, diện tích 12.440m^2 được HTX N3 trồng cây rừng từ năm 1994. *"Thửa đất trên được HTX T3 vườn cây cho thành viên là ông Ngô Quang H..."*. Nhưng phần sau của công văn lại có ý kiến *"Thửa đất số 69... mục đích sử dụng: rừng trồng sản xuất được HTX N3 bố trí trồng cây rừng từ năm 1994 nhưng khi thực hiện có 01 phần diện tích thửa đất trũng thấp không thể trồng cây, HTX bỏ hoang từ thời điểm đó. Ông Lê Văn C vì muốn có đất sản xuất, năm 1996 đã khai hoang và trồng cây công nghiệp trên phần đất hoang hóa có diện tích 4.813,1m^2 ..."* và đề nghị hủy một phần GCNQSD đất cấp cho ông H đối với diện tích trên để giao cho ông C.

[4] Xét thấy, Công văn số 07 của HTX N3 thể hiện sự mâu thuẫn nội tại khi chính HTX N3 là cơ quan hóa giá tài sản trên thửa đất 69 cho ông H rồi lại đề nghị giao một phần diện tích đất thuộc thửa đất trên cho ông C, trong khi ông C là người chiếm đất công do HTX N3 quản lý (sau đó UBND tỉnh L thu hồi giao cho UBND huyện B quản lý, xem xét cấp GCNASD đất tại Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 06/5/2008), còn ông H sau khi nhận hóa giá tài sản đã được cấp GCNQSD đất ngày 27/4/2011 đối với thửa đất 69. Mặt khác, theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/3/2022 của Tòa án, thì Nguyên đơn trồng cây ăn trái (160 cây bơ và 70 cây sầu riêng) vào năm 2020, sau thời điểm Bị đơn được cấp quyền sử dụng đất (năm 2011); Nguyên đơn khai sử dụng đất tranh chấp từ năm 1996 (có lúc khai từ năm 1997) để trồng chè, chanh dây nhưng không có tài liệu chứng minh và cũng không thực hiện kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Bản trích lục bản đồ địa chính do UBND xã L (nay là xã B 3) xác nhận ngày 26/9/2021 thể hiện, ông C, bà M là người sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp (thửa 123), không có ý nghĩa xác định Nguyên đơn là người có quyền sử dụng thửa đất này.

[5] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối với Bị đơn là không có căn cứ pháp luật.

[6] Xét yêu cầu phản tố của Bị đơn, thấy rằng, thời điểm Nguyên đơn sử dụng đất tranh chấp năm 1996 (1997? nếu có) là hành vi chiếm đất công, còn thời điểm Nguyên đơn trồng cây ăn trái trên đất tranh chấp thì Bị đơn đã được cấp GCNQSD đất. Do đó, Bị đơn yêu cầu Nguyên đơn tháo dỡ, di dời cây trồng, vật kiến trúc trên đất để trả lại quyền sử dụng đất tranh chấp cho Bị đơn là có cơ sở để chấp nhận.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do chiếm dụng đất (75.000.000 đồng), bồi thường danh dự (200.000.000 đồng), chi phí đi lại (50.000.000 đồng) thấy rằng, các bên đang tranh chấp ai có quyền sử dụng đất nên việc Nguyên đơn chiếm giữ đất không phải là hành vi chiếm đoạt hoặc xâm hại quyền sở hữu tài sản, danh dự nhân phẩm; chi phí đi lại để giải quyết tranh chấp là việc thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của đương sự nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của Bị đơn.

[6] Với nhận định trên, có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của Bị đơn.

[7] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá tài sản là 24.518.520 đồng và đã nộp đủ, đồng thời phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Bị đơn thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

[8] Ý kiến của đại diện Viện Công tố tham gia phiên tòa không phù hợp với nhận định trên nên không có cơ sở để chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Ngô Quang H. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 22-4-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 10 của Luật Đất đai 2003; Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về Án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn C, bà Phạm Thị M về việc công nhận cho Ông Bà được quyền sử dụng diện tích đất 5.118,7m^2 (thửa số 123, tờ bản đồ số 88), thuộc một phần thửa số 69, tờ bản đồ số 92, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng và tài sản trên đất; hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 427221 do Ủy ban nhân dân huyện B (nay là Ủy ban nhân dân xã B 3, tỉnh Lâm

Đồng) cấp ngày 27/4/2011 cho ông Ngô Quang H đối với diện tích đất 5.118,7m^2 (thửa số 123, tờ bản đồ số 88), thuộc một phần thửa số 69, tờ bản đồ số 92, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã B, tỉnh Lâm Đồng); hủy một phần Quyết định số 18/QĐ-CCTHADS ngày 18/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, tỉnh Lâm Đồng) về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với diện tích đất 5.118,7m^2 (thửa số 123, tờ bản đồ số 88), thuộc một phần thửa đất số 69, tờ bản đồ số 92, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã B, tỉnh Lâm Đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Ngô Quang H đối với ông Lê Văn C, bà Phạm Thị M.

Buộc ông Lê Văn C, bà Phạm Thị M tháo dỡ, di dời các cây trồng và vật kiến trúc trên diện tích đất 5.118,7m^2 (thửa số 123, tờ bản đồ số 88), thuộc một phần thửa số 69, tờ bản đồ số 92, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã B, tỉnh Lâm Đồng) theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, và các tài sản phát sinh khác (nếu có) để trả lại quyền sử dụng diện tích đất nêu trên cho ông Ngô Quang H.

(Có họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất ngày 20/4/2022 của Công ty TNHH A kèm theo).

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Ngô Quang H đối với ông Lê Văn C, bà Phạm Thị M về yêu cầu bồi thường thiệt hại.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn C và bà Phạm Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Ngô Quang H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Quang H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCT&KSXXPT VKSNDTC tại Tp. HCM;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA, TTCL.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Tuấn

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Tấn **Dương Anh Văn** **Trần Ngọc Tuấn**